

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
Về việc: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Hương.

Bà Lương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Quế Tr**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: H ấp Bình X, xã Bình Q, huyện Châu T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Lê Trung T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: B Lưu Văn T, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà *Quế Tr*, ông *Trung T* vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2021 và các lời trình bày của bà Trần Thị Quế Tr có nội dung:

Bà quen biết và kết hôn với ông Lê Trung T từ năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Bà và ông T chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông T đã

không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung tên Lê Nhật D sinh ngày 14/9/2016 và Trần Tấn P sinh ngày 17/5/2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 01 con chung là Trần Tấn P, yêu cầu ông T nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Nhật D, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/6/2022, bà Tr có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Lê Trung T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Lê Trung T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà Tr. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo họp lệ theo quy định của pháp luật.

Dại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

Về con chung: bà Tr và ông T có 02 con chung. Bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, yêu cầu ông T nuôi dưỡng 01 con chung, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy ông T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Quế Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Trung T có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Trần Thị Quế Tr, Bị đơn là ông Lê Trung T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định

đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành. Riêng bà Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Quế Tr và ông Lê Trung T tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Long An năm 2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà Tr thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà Tr yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Tr. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà Tr và ông T đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Tr là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà Tr và ông T có hai (02) con chung tên Lê Nhật D sinh ngày 14/9/2016 và Trần Tấn P sinh ngày 17/5/2018. Bà Tr đề nghị được nuôi dưỡng 01 con chung tên Trần Tấn P, yêu cầu ông T nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Nhật D. Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung là Trần Tấn P hiện đang sống chung với bà Tr ổn định, con chung Lê Nhật D cũng đang sống chung với ông T, ông T cũng không có ý kiến gì về việc giao con chung là Nhật D cho bà Tr nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định ghi nhận yêu cầu của bà Tr để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là ý chí của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông T, bà Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Ông T, bà Tr được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung ông T, bà Tr có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Quế Tr, cho bà Trần Thị Quế Tr ly hôn với ông Lê Trung T.

2. Về con chung: Giao một (01) con chung tên Trần Tấn P sinh ngày 17/5/2018 cho bà Trần Thị Quế Tr nuôi dưỡng. Giao một (01) con chung tên Lê Nhật D sinh ngày 14/9/2016 cho ông Lê Trung T nuôi dưỡng. Bà Tr, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Trung T, bà Trần Thị Quế Tr có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Lê Trung T, bà Trần Thị Quế Tr có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Quế Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001555 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, bà Tr đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh